

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2022
V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hoàn; bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2022 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bảo L, sinh năm 2000

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bảo L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Bùi Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 11/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp. Do mâu thuẫn trầm trọng nên tháng 02/2020 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn B.

Chị và anh B có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 08/6/2020, hiện con đang ở cùng anh B. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con vì con dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của chị. Hiện tại chị là lao động tự do (làm thẩm mỹ), thu nhập bình quân từ 6.500.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con. Chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Còn anh B là lao động tự do (làm tóc), việc làm và thu nhập không ổn định.

Chị và anh B tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Bùi Văn B không trình bày lời khai, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Ông Nguyễn Văn C (là bố đẻ chị Nguyễn Thị Bảo L) trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bảo L và anh Bùi Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do tính cách không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đến tháng 02/2021 vợ chồng ly thân, chị L về nhà ông sinh sống. Ông thấy chị L và anh B không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh B.

Chị L và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Anh, sinh ngày 08/6/2020, cháu đang ở cùng anh B vì lúc chị L và anh B chưa ly thân thì vợ chồng thuê nhà để làm việc và sống cùng nhau, khi chị L về nhà ông sinh sống thì anh B

ngăn cản và không cho chị L bế con theo. Chị L và anh B ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì cháu còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị L, ông và gia đình sẽ hỗ trợ chị L trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Tài sản chung của chị L và anh B thì ông không rõ, vợ chồng không nợ ai tài sản gì.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh B cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị Bảo L và anh Bùi Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống tại địa phương giữa chị L và anh B đã xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức địa phương phải can thiệp. Nguyên nhân là do vợ chồng tuổi còn trẻ, đối nhân xử thế chưa phù hợp. Khả năng đoàn tụ giữa anh B và chị L là khó, thực tế chị L đã không chung sống cùng anh B hơn một năm. Việc chị L xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L và anh B có 01 con chung như chị L đã trình bày là đúng, hiện nay cháu đang ở cùng anh B, tuy nhiên, do anh B làm việc tại thành phố (làm tóc) nên con của anh B và chị L chủ yếu do mẹ đẻ anh B chăm sóc. Việc nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người và phù hợp quy định của pháp luật vì cháu dưới 03 tuổi để đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Về tài sản chung của chị L và anh B địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bảo L được ly hôn anh Bùi Văn B.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bảo L trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 08/6/2020; yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Ba phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Bùi Văn B không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bảo Li có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bảo L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tính tình không hòa hợp. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tháng 02/2020 chị L về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh B là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Bảo L được ly hôn anh Bùi Văn B là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh B có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 08/6/2020, con đang ở cùng anh B. Ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy: Chị L có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, con dưới 36

tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ là chị L, mặt khác, chị L còn được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con. Vì vậy, chị L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con và buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh B chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo Li phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Bùi Văn B phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bảo L được ly hôn anh Bùi Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bảo L trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 08/6/2020. Buộc anh Bùi Văn B phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị L và anh B có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Thị Bảo L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu

tạm ứng lệ phí số 0001613 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

4.2. Anh Bùi Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái